

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TAM QUAN
TRƯỜNG THCS HOÀI CHÂU**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 958/SGDDĐT-GDTrH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở
GDĐT)

**MÔN: NGỮ VĂN 8
THÁNG 9 (Bài 01)**

HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN: ĐOÀN VĂN BÉ



NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày 03 tháng 9 năm 2025

Họ và tên giáo viên: Đoàn Văn Bé

Tổ chuyên môn: Khoa học xã hội

Bài 1 : TRUYỆN NGẮN**Môn học/Hoạt động giáo dục: Ngữ văn; lớp: 8****Thời gian thực hiện: 12 tiết (Từ tiết 3 đến tiết 14)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,... và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của người kể chuyện;.... của truyện ngắn
- Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.
- Viết được bài văn kể lại một chuyện đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.
- Trình bày ý kiến (bằng hình thức nói. về một vấn đề xã hội.
- Biết trân trọng những kỉ niệm đẹp và phát huy những cảm xúc, tình cảm đẹp, trong sáng, nhân văn về con người và cuộc sống trong trang sách cũng như ngoài đời thực.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ.... và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, của truyện ngắn

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ trong thực hiện nhiệm vụ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN****Văn bản 1. TÔI ĐI HỌC (Thanh Tịnh)****Thời gian thực hiện: 03 tiết (Tiết 3,4,5)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Thanh Tịnh
- Những nét chung về văn bản “Tôi đi học”.
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện ngắn Việt Nam.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ.... và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, của truyện ngắn “Tôi đi học”.
- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà Thanh Tịnh

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ trong thực hiện nhiệm vụ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...

- Học liệu: Hình ảnh, video phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [10 phút]

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức ngữ văn, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung: GV cho HS nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học”, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản. HS nghe bài hát: “Ngày đầu tiên đi học”, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm: HS nghe nội dung bài hát. Trình bày được những cảm xúc của bản thân trong ngày đầu tiên đi học.
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV):

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô và các em cùng lắng nghe bài hát.

Bài hát đã khơi gợi trong em những tình cảm, cảm xúc nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: (GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi. HS trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần).
- Kết nối vào nội dung bài học

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [105 phút]

- Mục tiêu: Học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Thanh Tịnh
- HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Tôi đi học”
- Nhận biết được một số đặc điểm của truyện ngắn: cốt truyện, nhân vật, chi tiết, sự kiện,...
- Trình bày những thông tin chính về văn bản “Tôi đi học”: Thể loại; Phương thức biểu đạt; Nhân vật chính; Ngôi kể; Các sự việc chính; Bố cục...
- Nội dung:

GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS; **tích hợp liên hệ về QCN để HS nói lên được quyền của trẻ em, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội đối với trẻ em...**

d. Tổ chức thực hiện:

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Truyện ngắn

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK trang 03 để nêu những hiểu biết về thể loại truyện ngụ ngôn. GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK trang 03 và tái hiện kiến thức trong phần đó.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày cá nhân:

Bước 4: Kết luận, nhận định

1. Truyện ngắn

Truyện ngắn là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật. Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến. Bút pháp trần thuật thường là chấm phá. Yếu tố quan trọng nhất của truyện ngắn là những chi tiết cô đúc, lời hành văn mang nhiều hàm ý. Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ, lại có truyện

ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện ngắn giàu tính triết lí, trào phúng, châm biếm, hài hước, lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ.

2. Tác giả

Bước 1: Giao nhiệm vụ. (GV cho HS trình bày những thông tin chính về nhà văn Thanh Tịnh).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại nội dung chuẩn bị ở nhà trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Mời HS trả lời

HS: trình bày thông tin về nhà văn Thanh Tịnh

- Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét phần chuẩn bị của HS. Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

Thanh Tịnh (1911-1988)., tên thật là Trần Văn Ninh. Quê ven sông Hương, ngoại ô Huế. Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ. Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đậm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo. Tác phẩm tiêu biểu: Hậu chiến trường (1937., Quê mẹ (1941. ...

3. Tác phẩm

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS

- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần

b. Tìm hiểu chung về văn bản:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) (GV cho HS hoạt động nhóm nhờ tìm hiểu về thể loại truyện ngắn (quy mô, bối cảnh, nhân vật, sự kiện, chi tiết, cốt truyện), PTBĐ, Ngôi kể, sự việc chính, bố cục...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 1 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 1).

HS: Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 1. Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần. cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

GV:- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Bối cảnh của câu chuyện

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

GV. - Cảnh vật trong truyện được nhìn qua con mắt của ai và được nhớ lại theo trình tự nào?

- Nêu một số chi tiết nổi bật của cảnh vật trong phần 1 (chi tiết miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người..

- Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng? (Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học.

- Qua đó em có nhận xét gì về bối cảnh của câu chuyện?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.

- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

- Thời điểm: cuối thu → thời điểm khai trường

- Không gian: trên con đường dài và hẹp → Thời điểm, nơi chốn quen thuộc, gắn liền với tuổi thơ tác giả

→ NT: Miêu tả, tưởng tượng, ..

=> Người đọc như nhập vào cảnh sắc, hòa cùng tâm trạng nao nức của nhà văn. Rút ngắn khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại.

2. Cách xây dựng nhân vật trong truyện

a. Nhân vật “tôi”

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

GV: - Nhân vật “tôi” được miêu tả qua những chi tiết nào?

- Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến lớp có sự thay đổi như thế nào? Chỉ ra một số chi tiết tiêu biểu trong truyện thể hiện những tâm trạng ấy.

- Chỉ ra tác dụng của một số câu văn miêu tả và hình ảnh so sánh trong việc khắc họa tâm trạng nhân vật.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
Trên đường đến trường	Ở trên sân trường	Khi vào lớp học
.....		
- Nghệ thuật:		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS hoạt động theo nhóm)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Giáo viên đánh giá, kết luận

- Được miêu tả qua lời nói, hành động, tâm trạng.

- Diễn biến tâm trạng: Lúc đầu là băng khoăn, phân chấn đi bên mẹ trên con đường đến trường → Sau đó chuyển sang bờ ngỡ, rụt rè khi đứng ở sân trường → Tiếp đến là cảm thấy lúng túng, vụng về, sau đó, giật mình khi nghe gọi đến tên rồi bật khóc → Cuối cùng là cảm giác vừa xa lạ vừa thân quen khi ngồi trong lớp học.

- Nghệ thuật so sánh → tình cảm đẹp đẽ, trong sáng của cậu bé lần đầu đi học.

=> Nhân vật “tôi” là cậu bé hồn nhiên, trong sáng nhưng cũng rất nhạy cảm và đã bắt đầu có ý thức về sự trưởng thành ngay trong ngày đầu tiên đi học.

b. Các nhân vật khác

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

GV. Nhân vật “ông Đốc” và các bậc phụ huynh được miêu tả qua những chi tiết nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS. Hoạt động cá nhân tìm câu trả lời)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (HS trả lời các câu hỏi)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Ông Đốc: Ông Đốc là một người thầy, một lãnh đạo hiền từ, thân thiện và yêu thương học sinh.

- Phụ huynh: Chuẩn bị quần áo, sách vở, đưa con đến trường, cầm sách vở cho con. Kiên nhẫn chờ đợi đưa các con vào lớp → Là người chu đáo, quan tâm, đầy tình yêu thương và trách nhiệm.

3. Đặc điểm truyện ngắn giàu chất trữ tình trong “Tôi đi học”

Bước 1: Giao nhiệm vụ

GV. Truyện ngắn “Tôi đi học” là một truyện ngắn giàu chất thơ. Theo em, điều gì tạo nên đặc điểm ấy? (về nội dung, hình thức, ngôn ngữ).

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3		
Về nội dung	Về hình thức	Về ngôn ngữ
.....		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Về nội dung: tập trung miêu tả những cảm xúc và diễn biến tâm trạng vừa vui mừng, phấn chấn vừa ngỡ ngàng, lo sợ, ... của nhân vật “tôi” trong buổi đầu tiên đến trường một cách chân thực và cảm động.

- Về hình thức: Cốt truyện rất đơn giản, nhẹ nhàng, không có tình huống gay cấn, không nhiều sự kiện.

- Về ngôn ngữ: Sử dụng những câu văn giàu cảm xúc với giọng điệu nhẹ nhàng, những hình ảnh so sánh độc đáo và việc sử dụng hàng loạt các từ láy trong việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên, tái hiện chân thực, rõ nét cảm xúc ngỡ ngàng, rụt rè của nhân vật tôi trong ngày tựu.

III. TỔNG KẾT:

Bước 1. Giao nhiệm vụ (GV). Cho HS nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản? Khái quát nội dung chính của văn bản? Văn bản “Tôi đi học” nói hộ những suy nghĩ, tình cảm gì của rất nhiều người đọc? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần..)

Bước 4. Kết luận, nhận định

1. Nghệ thuật: Cốt truyện đơn giản, chủ yếu là miêu tả cảnh vật và tâm trạng nhân vật. Sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh và đậm chất thơ

2. Nội dung: Truyện ghi lại những tình cảm, cảm xúc trong sáng, chân thực của nhân vật “tôi” trong buổi đi học đầu tiên. Truyện gây được xúc động, đồng cảm trong mỗi người đọc.

3. Ý nghĩa: Văn bản “Tôi đi học” đã thay nhiều người đọc nói lên những nỗi nhớ về những năm tháng một thời cắp sách tới trường. Điều đó khơi dậy trong lòng bao người hình dáng ngày đầu đến trường trong kí ức. Đó là những kỉ niệm đẹp, những khoảnh khắc không thể quên.

3. Hoạt động 3: Luyện tập [10 phút]

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập trắc nghiệm; **Tích hợp được các nội dung: trách nhiệm trong việc học tập; yêu quý, bảo vệ, xây dựng nhà trường, gia đình; yêu thương thầy cô, bạn bè, mái trường.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ:

Câu 1. Câu văn "Tôi bặt tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất" trong văn bản "Tôi đi học" của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

- A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở B. Cậu bé chưa tập trung vào công việc
C. Cậu bé quá hồi hộp D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở

Câu 2. Đọc đoạn văn sau: "Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ ngõ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thềm vụng và ao ước thềm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ". (Tôi đi học - Thanh Tịnh).

Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên

- A. Nhân hóa. B. Điệp ngữ. C. Ẩn dụ. **D. So sánh.**

Câu 3. Hình ảnh "bàn tay" trong hai câu văn: "Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước... Một bàn tay quan nhẹ vuốt mái tóc tôi" nhằm diễn tả ý gì?

- A. Sự âu yếm của mẹ hiền. B. Sự săn sóc của mẹ hiền
 C. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

D. Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (HS)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút).

- a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
 b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
 c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.
 d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Bằng sự trải nghiệm của bản thân, hãy tưởng tượng mình là "người bạn tí hon" ngồi cạnh nhân vật "tôi" trong truyện, hôm ấy, em sẽ nói với "tôi" điều gì? Trình bày trong 01 đoạn văn ngắn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

Văn bản 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (Thạch Lam)

Thời gian thực hiện: 02 tiết (Tiết 6,7)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Thạch Lam
- Những nét chung về văn bản "Gió lạnh đầu mùa".
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện ngắn Việt Nam.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ.... và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, thái độ của người kể chuyện.... của truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa".
- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà Thạch Lam
- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

3. Phẩm chất: Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân trong việc chống chọi với số phận và bệnh tật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [15 phút]

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

c. Sản phẩm: HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là sự giúp đỡ, tương trợ trong cuộc sống...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV): Nêu nội dung những bức ảnh, qua đó gợi cho em nghĩ đến đất nước nào? Dựa vào kiến thức lịch sử đã học, em hãy cho cô biết tình hình nước Mỹ trong những năm 1970?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV bật video

HS: Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [58 phút]

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của người kể chuyện;... của truyện ngắn.

- HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam

- Trình bày những thông tin chính về văn bản “Gió lạnh đầu mùa”:

b. Nội dung: GV sử dụng phiếu học tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu. HS suy nghĩ và làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập, làm việc nhóm để tìm hiểu văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

GV. Trình bày những thông tin chính về nhà văn Thạch Lam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1

HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV mời HS trình bày sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Thạch Lam (1910 – 1942). Tên thật: Nguyễn Tường Vinh’ Nguyễn Tường Lân. Quê: Hà Nội

- Văn của Thạch Lam không có tiếng súng của chiến tranh hay thúc sưu thuế mạnh mẽ như những nhà văn khác nhưng nó vẫn khắc họa được tâm trạng cùng cực, đau đớn của nhân

vật khi phải đối diện với hiện thực cuộc sống. Các tác phẩm của ông thường đi vào cuộc sống của những người dân nghèo, ông khai thác nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.

2. Tác phẩm

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chủ thích

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV). Hướng dẫn cách đọc, tóm tắt.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

Son và Lan là hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả. Không giống như những đứa trẻ có điều kiện khác, hai chị em Son, Lan luôn hòa đồng, gần gũi với những đứa trẻ nghèo cùng phố huyện. Vào một ngày trời chuyển lạnh, hai chị em mặc áo ấm ra chợ chơi thấy Hiên – cô bé hàng xóm đang co ro bên cột quán với manh áo mong manh, rách tả tơi. Thấy vậy, hai chị em bèn đem tặng Hiên chiếc áo bông cũ. Chính chiếc áo bông ấy đã thắp sáng tình yêu thương, sưởi ấm cho Hiên cũng như những đứa trẻ nghèo nơi đây qua mùa đông giá rét. Câu chuyện đã để lại dư âm trong lòng độc giả, khiến độc giả vừa thấm thía nỗi khổ đau, bất hạnh, hoàn cảnh éo le của những con người nghèo khổ, vừa cảm nhận sâu sắc tình người ấm nồng, cao quý, thiêng liêng; từ đó thêm trân trọng cuộc sống này hơn.

b. Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2).

HS: Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2. Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Các sự việc chính:

+ Những cơn gió lạnh đầu mùa thổi đến phố chợ.

+ Chị em Lan, Son xúng xính trong những chiếc áo ấm đắt tiền; những đứa trẻ nghèo hàng xóm vẫn mặc những chiếc áo mong manh thường ngày; riêng Hiên vẫn mặc chiếc áo rách tả tơi, đang co ro vì lạnh.

+ Ái ngại về hoàn cảnh của Hiên, Son và Lan quyết định về nhà lấy áo bông của Duyên (đứa em xấu số, giàu mẹ, mang sang cho Hiên).

+ Chuyện đến tai người nhà, Son và Lan sợ bị mẹ mắng. đi đòi lại áo không được, không dám về nhà.

+ Mẹ Hiên mang áo bông sang nhà trả lại, may mắn được mẹ Son và Lan cho vay tiền mua áo ấm cho Hiên.

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: từ đầu...*rom róm nước mắt*. → Cảnh sinh hoạt trong gia đình Son ngày gió đầu mùa.

+ Phần 2: tiếp ...*ấm áp vui vui*. → Cảnh hai chị em Son cùng vui chơi và chia sẻ áo ấm cho Hiên.

+ Phần 3: phần còn lại → Sự lo lắng của Son và cảnh mẹ Hiên trả lại áo.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Bối cảnh của câu chuyện:

a. Hoàn cảnh sống

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

GV. Câu chuyện xảy ra trong thời gian nào? Tìm những chi tiết miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người ở hai thời điểm hôm trước và hôm sau? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng? Qua đó em có nhận xét gì về bối cảnh của câu chuyện?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).**

- Thời gian: Buổi sáng đầu tiên của mùa đông.

Hôm trước	Hôm sau
- Thiên nhiên: + Trời nắng ấm và hanh + Nứt lẻ đất ruộng, làm khô những chiếc lá rơi. - Con người: Sơn và chị chơi cỏ gà.	- Thiên nhiên: + đất khô trắng + Gió vi vu ... bốc lên những làn bụi nhỏ. + Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. + Những cây lan sắt lại vì rét. - Con người: + Chị và mẹ Sơn ngồi quạt hỏa lò. + Mọi người đã mặc áo rét.
→ NT: Miêu tả, liệt kê... => Trong cái hanh hao, giá lạnh khắc nghiệt của đầu đông. Con người cần sự ấm áp.	

2. Cách xây dựng nhân vật trong truyện:**a. Nhân vật Sơn****Bước 1: Giao nhiệm vụ**

GV cho HS thảo luận nhóm: Tìm những chi tiết tái hiện sự quan sát của Sơn về các bạn và về em Hiền trong buổi sớm gió lạnh ấy? Sơn đã có những lời nói, suy nghĩ, hành động gì với các bạn và với Hiền? Sơn đã có ý nghĩ gì? Khi đợi chị Lan về lấy áo, tâm trạng Sơn như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ? Nhân vật Sơn được tái hiện qua những phương diện nào? Em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

HS Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT

Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

Sơn rất nhạy cảm, quan tâm đến các bạn (nhận ra cảnh nghèo của bọn trẻ xóm chợ khác hẳn cảnh sung túc của gia đình Sơn: trong khi chị em Sơn được mặc ấm áp, đẹp đẽ thì các bạn ăn mặc rách rưới, thiếu thốn đáng thương..

Sơn là một cậu bé nhân hậu, sống tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương bạn bè. (hành động cho bạn áo ấm là hành động thể hiện yêu thương vô tư, trong sáng của Sơn. Có lẽ trong lòng Sơn nghĩ chiếc áo bông em Duyên không còn dùng được nữa ấy sẽ khiến Hiền ấm áp trong mùa đông giá rét. Sự “ấm áp, vui vui” khi đợi chị về lấy áo là tâm trạng hạnh phúc ngọt ngào, ấm áp của sự trao tặng yêu thương, san sẻ sự đủ đầy..

→ Nhân vật Sơn được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua tâm trạng, cảm xúc. Sơn là một cậu bé nhân hậu sống tình cảm, hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng.

b. Những người mẹ**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Trong phần kết truyện, mẹ Hiền và mẹ Sơn đã ứng xử như thế nào? Nhận xét về cách ứng xử đó của hai bà mẹ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành câu trả lời)**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.****Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- Mẹ Hiền: *Mang trả mẹ Sơn chiếc áo bông* → Cách ứng xử thể hiện đức tính "đòi cho sạch, rách cho thơm" của một người mẹ tuy nghèo nhưng giàu lòng tự trọng.

- Mẹ Sơn:

+ Nhìn con nghiêm nghị bảo: *Kìa, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?*

+ Cho mẹ Hiền mượn tiền để may áo cho Hiền.

+ Vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo "*Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?*"

→ Cách ứng xử của một người mẹ vừa nghiêm khắc, vừa âm áp yêu thương, nhân hậu (giúp các con hiểu rằng: không nên tự tiện lấy áo đem cho mà cần phải xin phép mẹ; nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác..)

III. TỔNG KẾT

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV). Cho hs nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản? Khái quát nội dung chính của văn bản? Câu chuyện gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện ngắn? (**Tích hợp liên hệ về QCN để HS nói lên được suy nghĩ của mình...**)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: Báo cáo, thảo luận

Bước 2: Kết luận, nhận định

1. Nghệ thuật: Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hấp dẫn; bố cục theo dòng cảm xúc của nhân vật. Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện. Sự quan sát, lối miêu tả tinh tế để tái hiện sự đổi thay của thời tiết, cảnh vật lúc giao mùa đồng thời thể hiện được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhân vật Sơn

2. Nội dung: Truyện kể về những con người trong xóm chợ khi gió lạnh đầu mùa về. Qua đó, Thạch Lam ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người.

3. Ý nghĩa: Truyện gửi gắm bài học về tình yêu thương, chia sẻ. Nhắc nhở mỗi người về đạo lý tốt đẹp của dân tộc: "*Thương người như thể thương thân*".

3. Hoạt động 3: Luyện tập [15 phút]

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

1. Một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm - An-đec-xen.* và Hiền (*Gió lạnh đầu mùa- Thạch Lam.* về hoàn cảnh sống, về số phận,...

2. Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về tình yêu thương giữa con người với con người trong xã hội?

3. Theo em, khi cho đi yêu thương và nhận lại yêu thương chúng ta cần có thái độ như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết luận

1. Một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm - An-đec-xen.* và Hiền (*Gió lạnh đầu mùa- Thạch Lam.* về độ tuổi, dáng vẻ bề ngoài, hoàn cảnh sống, số phận, kết thúc của từng nhân vật, ...

- Giống nhau: Đều là những cô bé có hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn, không được hưởng một cuộc sống có "com no áo ấm".

- Khác nhau:

+ Cô bé bán diêm: Có cuộc sống bất hạnh, không có sự yêu thương, bảo vệ của gia đình. Em phải tự mình kiếm tiền mang về cho bố, nếu không có tiền sẽ không được về nhà. Số phận của em là một số phận đầy bi kịch khi em đã không thể chống chọi được sự khắc nghiệt của cuộc sống, đã chết đi, về với vòng tay yêu thương của bà

+ Hiên: Em vẫn có mẹ bên cạnh chăm sóc, vẫn có bạn bè, có hai chị em Sơn quan tâm, yêu thương và đùm bọc, được sống trong sự ấm áp của tình người.

2. Một số câu ca dao, tục ngữ: Thương người như thể thương thân; Lá lành đùm lá rách; Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn...

3. Khi cho đi yêu thương cần có thái độ đồng cảm, chân thành, tự nguyện,...

Khi nhận yêu thương cần trân trọng, biết ơn và lan tỏa tình yêu thương đó...

4. Hoạt động 4: Vận dụng [10 phút]

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra. **Tích hợp được các nội dung: yêu thương, giúp đỡ người khác, nhất là những người gặp hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi; biểu hiện bằng những hành động, việc làm cụ thể; tham gia các chương trình, hoạt động xã hội thiện nguyện...** trong việc viết đoạn văn.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5- câu. trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TRỢ TỪ, THÁN TỪ

Thời gian thực hiện: 1 tiết (Tiết 8)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là trợ từ, thế nào là thán từ.
- Đặc điểm và cách sử dụng trợ từ, thán từ.

2. Năng lực:

- Nhận diện được trợ từ, thán từ của một số yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc trong văn bản.
- Xác định được trợ từ, thán từ trong câu hoặc trong văn bản
- Sử dụng trợ từ, thán từ trong các trường hợp giao tiếp cụ thể.
- Rèn kỹ năng nói và viết phù hợp trong câu văn, đồng thời có khả năng lĩnh hội chính xác nội dung, mục đích của trợ từ, thán từ trong tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất.

- Nhân ái: Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Chăm chỉ: tìm tòi vốn từ vựng tiếng Việt trong nói và viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

2. **Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [5 phút]

- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.
- Sản phẩm: câu trả lời của HS. HS nói được ý nghĩa của từ “những” dùng để nhấn mạnh ý, *a* được dùng để bộc lộ cảm xúc vui mừng khi mẹ về.
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV đưa ra 2 ví dụ :

1- Hôm nay con được những 2 điểm 9.

2- A, mẹ đã về !

GV. Em hãy tìm trong 2 câu trên, từ nào được dùng để nhấn mạnh ý và từ nào được dùng để bộc lộ tình cảm cảm xúc ?

=> Từ *những* được dùng để nhấn mạnh ý : Được nhiều điểm 9, còn từ *a* được dùng để bộc lộ cảm xúc vui mừng khi mẹ về.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét và giới thiệu bài học:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [10 phút]

1. TRỢ TỪ

- Mục tiêu: Khái niệm của trợ từ, thán từ. Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ, thán từ.
- Nội dung: Kiến thức về Từ địa phương và Biệt ngữ XH.
- Sản phẩm học tập: *Phiếu học tập cá nhân, bảng kết quả hoạt động nhóm.*
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu Ngữ liệu (BT1, SGK trang 24. -> Y/c học sinh đọc VD và thực hiện các yêu cầu của phiếu học tập sau (Cả lớp chia thành 4 nhóm)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: (HS HĐ cá nhân; Trao đổi nhóm)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Bước 4: Kết luận, nhận định.

+ Trợ từ là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói (người viết.. Trợ từ gồm hai nhóm:

+ Trợ từ đi kèm các từ ngữ trong câu (*chính, đích, ngay cả, chỉ, những,.....*)

Ví dụ: Từ *chính* trong câu “Chính mắt con trông thấy nó.” (Nguyễn Công Hoan). nhấn mạnh vào sự vật nêu ở chủ ngữ (*mắt con...*)

Ví dụ 2: Trong câu “San ăn những hai quả chuối.” (Nam Cao).. từ *những* biểu thị sự đánh giá về số lượng sự vật: *ăn hai quả chuối* là nhiều.

+ Trợ từ ở cuối câu (*à, à, ư, nhỉ, nhé, nào, cơ, cơ mà, thôi,.....*). Ví dụ: Từ *nhé* trong câu “Em thấp đèn lên chị nhé?” (Thạch Lam). vừa thể hiện mục đích hỏi, vừa biểu thị tình cảm thân mật của người nói.

1/ - Từ “ *chính, đích, ngay* ” nhấn mạnh đối tượng được nói đến: *mình, danh, tôi..*

2/- Thầy HT tặng tôi quyển sách này

-> *Chính thầy HT...* (nhấn mạnh người tặng và bộc lộ niềm tự hào..

- Tôi không biết đến việc này.

-> *Ngay tôi cũng...* (nhấn mạnh ý người gán gửi nhất, trách móc ai đó đã không cho mình biết việc đó..

2. THÁN TỪ

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: (HS Trao đổi cặp)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV tổ chức cho HS trả lời, nhận xét, đánh giá và chấm chéo bài của nhau.

+ Thán từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc (a, ái, a ha, ối, ô hay, than ôi,..... Ví dụ: “ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.” (Tạ Duy Anh., “ơ hay! Mợ giận tôi đấy à?” (Nguyễn Công Hoan..

+ Thán từ gọi đáp (này, ời, dạ, vâng, ừ,..... Ví dụ: “Vâng! ông giáo dạy phải!” (Nam Cao..

→ Thán từ có khả năng làm thành một câu độc lập (ví dụ b.. Thán từ cũng có lúc làm thành phần biệt lập của câu.

3. Hoạt động 3: Luyện tập [10 phút]

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Trò chơi: “KHỈ CON LEO CÂY”

Luật chơi: Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội 4 HS. Đội nào dành được quyền trả lời nhanh và nhiều câu đúng thì đội đó chiến thắng.

- Mỗi câu trả lời đúng tương đương với 1 điểm

1/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.”

2/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu...cả cưới nữa thì mất đến chừng hai trăm bạc.”

3/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu tháng xúm lại húc mỡ vào, có mãi mới lật được cái vung nồi ra. “**Ha ha!** Cơm nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ời, lại đánh chén đi thôi!”

4/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “**Than ôi!** Thời oanh liệt nay còn đâu?”

5/ Giải thích câu tục ngữ: “Gọi dạ bảo vâng”

6/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ!”

7/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám / Tựa nhau trông xuống thế gian cười”

8/ Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Bác Nồi Đồng run như cầy sấy: “Bùng boong. **Ái ái!** Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!”

9/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ối, ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương....”

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

4: Kết luận, nhận định.

Bài tập 2/24,25:

a. Từ **cả** không phải là trợ từ. Cụm từ cả ngày biểu thị một ngày xuyên suốt.

b. Từ **cả** là trợ từ, biểu thị với mức độ cao, ý bao hàm, có nghĩa chỉ ở đây rất đông người.

c. Từ **chính** là trợ từ, nhấn mạnh vào thời gian, thời điểm nói đến, có nghĩa chỉ tại thời điểm này.

d. Từ **chính** không phải là trợ từ. Cụm từ nhân vật chính biểu thị là nhân vật điển hình, then chốt của cốt truyện, từ chính bổ sung ý nghĩa cho danh từ nhân vật.

→ Các từ: “**cả**” ví dụ **b** và “**chính**” ví dụ **c** là thán từ.

Bài 4:

- “**Ấy**”: Không phải thán từ vì nó không bộc lộ cảm xúc của người nói hay dùng để gọi và đáp trong giao tiếp.
- “**Ấy**”: Là thán từ vì nó là từ biểu lộ cảm xúc về mức độ của sự việc.
- “**này**”: Không phải thán từ vì từ không bộc lộ cảm xúc của người nói hay dùng để gọi và đáp trong giao tiếp. Từ này trong trường hợp câu trên chỉ biểu thị nhấn mạnh cho sự việc được nhắc đến tại thời điểm hiện tại của người nói.
- “**Này**”: Là thán từ vì nó dùng để gọi và đáp trong giao tiếp.

4. Hoạt động 4. Vận dụng [10 phút]

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Bài 5/25 : Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng). kể về một kỉ niệm của em, trong đó có sử dụng ít nhất một trợ từ hoặc một thán từ. Chỉ ra trợ từ (hoặc thán từ. trong đoạn văn đó).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến sản phẩm: Ai ai trong cuộc đời này cũng có những kỉ niệm đáng nhớ, em cũng vậy. Kỉ niệm đáng nhớ nhất nhất trong cuộc đời em đó là ngày đầu tiên em đi học lớp một. Khi ấy trường học là một nơi thật xa lạ trong mắt em. Bước tới cổng trường trong cái nắm tay của mẹ em vô cùng hồi hộp. Sân trường đông đúc với những tiếng loa gọi tập trung của cô giáo tổng phụ trách khiến cho em cảm thấy lo lắng, em đã nắm chặt lấy tay mẹ. **Chính** lúc ấy, mẹ em đã buông nắm tay ra để em xếp hàng vào lớp, em đã cảm thấy lo sợ vô cùng bởi đó là lần đầu tiên em thấy mình xa mẹ đến vậy. Sau này khi đã quen hơn với việc tới lớp, em không còn sợ hãi như lần đầu tiên ấy nữa những đó vẫn mãi là một kỉ niệm khó phai trong kí ức của em.

C. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGƯỜI MẸ VƯỜN CAU (Nguyễn Ngọc Tư)

Thời gian thực hiện: 02 tiết (Tiết 9,10)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS xác định được ngôi kể, đề tài, nhan đề Người mẹ vườn cau.
- Hiểu được chủ đề, tình huống truyện gợi ra qua hình ảnh người mẹ vườn cau.

2. Năng lực

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Người mẹ vườn cau*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Người mẹ vườn cau*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

2. **Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [5 phút]**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

DK sản phẩm: Mẹ (Đỗ Trung Lai), Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm), Về thăm mẹ (Đình Nam Khương),...

- GV dẫn dắt vào bài học mới:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [70 phút]

a. Mục tiêu:

- Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm “Người mẹ vườn cau”.

- HS xác định được ngôi kể, đề tài, nhan đề Người mẹ vườn cau.

- Hiểu được chủ đề, tình huống truyện gợi ra qua hình ảnh người mẹ vườn cau.

- Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Người mẹ vườn cau*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

I. TÌM HIỂU CHUNG**1. Tác giả:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- *Quê quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.*

- *Phong cách sáng tác: gần gũi, bình dị, dễ cảm, giọng văn đậm chất Nam Bộ, mềm mại nhưng vô cùng sâu cay về số phận và cuộc đời éo le chìm nổi.*

- *Tác phẩm nổi bật: Ngọn đèn không tắt, Nước chảy mây trôi, Giao thừa, Cảnh đồng bát tậ,...*

2. Tác phẩm:

a. Đọc và tìm hiểu chú thích

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

b. Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

+ Truyện ngắn trên viết về đề tài gì? Giải thích nhan đề Người mẹ vườn cau.

+ Chủ đề của truyện ngắn Người mẹ vườn cau là gì?

+ Truyện được kể theo ngôi kể thứ mấy? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào?

+ Cốt truyện của văn bản Người mẹ vườn cau có gì đáng chú ý?

+ Tóm tắt văn bản và nêu bố cục của văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- **Bố cục:** 3 phần

+ **Phần 1** (từ đầu đến...ngủ với bà nghe ba.: Hoàn cảnh của người mẹ vườn cau.

- + Phần 2 (tiếp theo đến...ba tôi chuyển công tác lên tỉnh.: tình cảm của người mẹ vườn cau.
- + Phần 3 (phần còn lại.: Ý nghĩa, giá trị công lao của người mẹ.
- Tóm tắt: nói về kí ức của tác giả về người bà – một người mẹ anh hùng giàu đức hi sinh và đáng thương.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:

1. Bối cảnh của câu chuyện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

Nguyên nhân câu chuyện: Cô giáo yêu cầu viết bài văn về mẹ, tuy nhiên nhân vật “tôi” không biết viết như nào. Nhớ lại rằng ba có nhiều mẹ và mình có bà, trong đó, ba có một “người mẹ vườn cau” → Cách dẫn dắt gần gũi, sinh động.

2. Những kỉ niệm thời nhỏ tại quê của “Người mẹ vườn cau”

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

a. Khung cảnh

- Con đường đến nhà bà là con đường đất, những khi trời mưa đường bùn ướt nhẹp.

- Nhà bà là nhà mái lá nhỏ xít.

→ Cuộc sống giản dị, đơn sơ.

b. Hình ảnh “người mẹ vườn cau”

- Là một bà mẹ anh hùng.

- Làm nghề bán ve chai, đưa thư, mang thức ăn, tin tức,...

- Dáng còm cõi, nụ cười phúc hậu, đôi mắt già nua.

- Mái tóc trắng phau phau.

- Nội gầy gò, cười phô cả lợi nhưng vẫn luôn lo lắng cho các con các cháu.

→ Sự hi sinh thầm lặng của người mẹ già, cả một đời vất vả, lam lũ, nhưng vẫn luôn là hậu phương vững chắc cho những đứa con của mình đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

c. Những kỉ niệm thời ấu thơ ấu

- Bữa cơm giỗ chỉ vài ba bát canh chua cá rô đồng, mắm kho bông súng. → đơn giản nhưng ngon và chứa đựng sự ấm áp.

- Khi trời mưa tanh, mọi người ào ào kéo đến làm nhân vật “tôi” thắc mắc rằng tại sao bà lại có nhiều con như thế.

- Các chú cùng bố nhậu một bữa nhưng vẫn phải xin phép bà, mọi người vui vẻ nói chuyện ngày xưa.

→ Khung cảnh gia đình ấm áp, hạnh phúc.

3. Trở về thực tại với bài văn bị điểm kém

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Do ba chuyển công tác nên gia đình cũng chuyển lên phố.

- Chỉ khi chú Biểu đến nhà, nghe câu chú nói mình bạc, bố mới nằm suy nghĩ và quyết định mai về lại thăm “người mẹ vườn cau”.

→ Khẳng định tình cảm của người con dành cho “người mẹ làng cau”.

- Bài văn: + Văn bản nói về những kỉ niệm về mẹ vườn cau của bố còn trở về thực tại, mẹ của nhân vật “tôi” chỉ “là người sinh ra em, nuôi em lớn, ngày thường mẹ nấu cơm em ăn, giặt đồ em mặc”.

+ Bài văn tuy 4 điểm nhưng “tôi” không hề buồn vì viết về mẹ đâu chỉ bằng vài câu.

→ bài học về sự biết ơn, kính trọng đến những người mẹ.

III. TỔNG KẾT

Bước 1: Giao nhiệm vụ. GV đặt câu hỏi: Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

1. Nghệ thuật

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đậm chất Nam bộ.
- Cốt truyện gần gũi, dễ dàng truyền tải nội dung.
- Ngôn từ mộc mạc, giản dị nhưng giàu cảm xúc

2. Nội dung

- Văn bản nói về kí ức của tác giả về người bà nội - một người mẹ anh hùng giàu đức hy sinh và đáng thương. Qua đó, gửi gắm đến người đọc thông điệp về sự biết ơn và kính trọng những người đã hi sinh vì lí tưởng cách mạng, vì nền hòa bình độc lập và những người mẹ anh hùng.

3. Hoạt động 3: Luyện tập [10 phút]

- a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản
- b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

4. Hoạt động 4: Vận dụng [5 phút]

- a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Có người cho rằng, qua truyện ngắn Người mẹ vườn cau, tác giả muốn nhắn gửi đến người đọc thông điệp về truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Ý kiến của em như thế nào? (Trình bày thành đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

Dự kiến sản phẩm:

Sau khi đọc xong truyện Người mẹ vườn cau, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã đem tới chúng ta thông điệp vô cùng sâu sắc và ý nghĩa về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Nhờ có công lao to lớn của những thế hệ đi trước, không ngại gian khổ, hiểm nguy đến tính mạng, mà chúng ta có được cuộc sống như ngày hôm nay, một cuộc sống không có chiến tranh, bom đạn, đau thương và mất mát. Từ đó, văn bản dẫn dắt chúng ta cần có lòng

biết ơn đến những anh hùng đã hi sinh cho nền độc lập nước nhà, đồng thời cần tích cực rèn luyện bản thân để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, vững chắc.

D. VIẾT

KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Tiết 11,12)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kể lại được kỉ niệm là một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà bản thân là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến
- Người kể chuyện ngôi thứ nhất(xưng “tôi”, “em”, “chúng tôi”, “chúng em”,....
- Cảm xúc sâu sắc, tình cảm chân thành của người viết trước sự việc được kể.

2. Năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được kỉ niệm về một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

3. Phẩm chất: Nhân ái, trân trọng những kỉ niệm đẹp của bản thân và phát huy những cảm xúc, tình cảm đẹp trong sáng, nhân văn về con người và cuộc sống trong trang sách cũng như ngoài đời thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu (tivi., máy tính), Phiếu học tập.
- Đọc lại VB” Đồng Tháp Mười mùa nước nổi” –Văn Công Hùng (NV6, tập 1..
- Bài văn tham khảo: *Là học sinh, mỗi người trong chúng ta ít nhất một lần đã làm từ thiện. Hoặc tham gia các hoạt động từ thiện. Từ trải nghiệm đó của bản thân mình, em hãy viết một bài văn kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất đối với em.* (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [5 phút]

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. GV giới thiệu kiểu bài sẽ viết.
- b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi, nắm được kiểu bài.
- c. Sản phẩm: Nhận thức về kiểu bài và thái độ tích cực của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

Đề bài: Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa.

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV gợi mở vấn đề:

- 1/ Trong kỉ niệm của mình, các em đã tham gia các buổi sinh hoạt đoàn, đội; các việc làm công ích, tình nguyện như hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ người già neo đơn...chưa?
- 2/ Em đã được đi những đâu? Nơi nào để lại cho em nhiều cảm xúc và suy nghĩ nhất?
- 3/ Em có thể kể lại một cách ngắn gọn cho cô và các bạn nghe ...được không?

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Kỉ niệm đó tên là gì? (một chuyến đi hay một hoạt động: giúp đỡ quần áo, sách vở cho một em bé mồ côi, dọn dẹp nhà cửa và nói chuyện với một bà mẹ Việt Nam anh hùng....? Diễn ra khi nào? Ra sao?

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [20 phút]

I. ĐỊNH HƯỚNG

a. **Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với dạng bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội:

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Biết cách kể kỉ niệm của bản thân

b. **Nội dung:** GV chia nhóm lớp, cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

c. **Sản phẩm:** Phiếu tìm ý, sơ đồ tư duy sau khi HS đã hoàn thành.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ: HS nhớ lại kiến thức phần Viết bài 3 (SGK Ngữ văn 6 tập 1, trang 64. và bài 6 (SGK Ngữ văn 6 tập 2, trang 20.. Đọc mục định hướng (SGK NV 8, trang 29., trả lời câu hỏi: *Thế nào là bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân 2' (Dựa vào mục Định hướng trong SGK).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

1. **Các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV mời HS đọc mục 1.2(SGK trang 30. và nhớ lại VB” Đồng Tháp Mười mùa nước nổi” –Văn Công Hùng (NV6, tập 1.. Bài văn mẫu kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất của em (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. và cho biết:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Trả lời (Dựa vào mục Định hướng trong SGK).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: 1 HS trình bày. Các bạn khác khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần..

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.
- Kết nối với đề mục sau

2. **Các bước làm bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.**

a. **Mục tiêu:**Giúp HS: Biết viết bài theo các bước. Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý. Tập trung vào những sự việc đã xảy ra. Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b. **Nội dung:** GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.

c. **Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

3. **Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho bài viết**

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

HS đọc ngữ liệu tham khảo: Bài văn mẫu kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất của em (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội., trả lời các câu hỏi:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.
- Kết nối với đề mục sau:

II. THỰC HÀNH.

1. **Chuẩn bị (Tìm hiểu đề.)**

Đề bài: Kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia, chứng kiến (**Tích hợp đạo đức, lối sống – yêu thương, chia sẻ...**).

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Suy nghĩ cá nhân

- Thảo luận trả lời (Dựa vào mục Định hướng trong SGK).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.

2. Tìm ý và lập dàn ý.

a. Tìm ý

Cách 1: Đặt và trả lời câu hỏi

Hoạt động xã hội đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào?	
Những ai có liên quan đến hoạt động xã hội đó? Họ đã nói và làm gì?	
Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào?	
Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao ?	
Cảm xúc của em như thế nào khi hoạt động xã hội diễn ra và khi kể lại hoạt động xã hội đó?	

Cách 2: Suy luận từ khái quát đến cụ thể:

Xác định vấn đề (ý khái quát: một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa).

- Phát triển ý cụ thể cấp 1 (ý lớn).

- Phát triển ý cụ thể cấp 2 (ý nhỏ).

- Từ các ý đã tìm được, các em có thể trình bày bằng một sơ đồ (SGK)

b. Lập dàn ý (sgk):

3. Viết bài:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- Đọc bài viết của mình.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn.(dựa vào phiếu đánh giá).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục

Dựa vào dàn ý để viết bài văn kể về một hoạt động xã hội. Trong khi viết, chú ý vận dụng cách viết mở bài và kết bài. Bài viết cần lưu ý:

- Đủ cấu trúc 3 phần: mở bài, thân bài và kết bài.

- Có thể mở bài bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Thân bài gồm các đoạn văn, mỗi đoạn văn là một ý lớn

- Kết bài cần tổng hợp được các ý đã nêu ở thân bài.

4. Chỉnh sửa bài viết

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

- GV yêu cầu hs đọc phần 2.2.SGK

- Chỉ ra cách viết MB, KB?

- Viết mở bài và kết bài cho đề bài trên theo các cách?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

- Mở bài trực tiếp: Vào sáng thứ bảy tuần trước, em đã có buổi từ thiện đến với các bạn nhỏ vùng cao. Đó là một chuyến đi đầy ý nghĩa, để lại trong em những cảm xúc khó quên.

- Mở bài gián tiếp: Trong cuộc sống, không phải ai cũng may mắn có được sự đủ đầy, trọn vẹn. Có bao nhiêu người ngoài xã hội kia gặp những khó khăn, trắc trở, bất hạnh trong cuộc đời, dù đã nỗ lực, cố gắng vẫn khó có thể một mình vượt qua. Bởi vậy, vòng tay yêu thương giúp đỡ của những tấm lòng nhân ái là điều đáng quý, đáng được trân trọng vô cùng. Tôi rất

may mắn là một trong những học sinh của nhà trường cùng với thầy cô tham gia vào hoạt động từ thiện đầy nhân văn đó. Và chuyến đi có ý nghĩa nhất đối với tôi là đến với các bạn ở vùng cao.

- Kết bài: Chuyến đi từ thiện khép lại nhưng những dư âm về chuyến đi ấy cứ vang vọng mãi trong tâm trí tôi. Nó cho tôi rất nhiều bài học đáng nhớ. Hãy biết quý trọng những gì chúng ta đang có bởi với rất nhiều người đó là những thứ rất xa vời. Hãy nâng cao tinh thần tương thân tương ái, tự giác giúp đỡ những con người bất hạnh. Đó là lẽ sống nhân văn đầy tình người mà mỗi người chúng ta nên hướng đến.

3. Hoạt động 3: Luyện tập [60 phút]

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được những kiến thức và kỹ năng của dạng bài.
- Thông hiểu những kiến thức và kỹ năng của dạng bài
- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của dạng bài để lập dàn ý và tạo lập được văn bản hoàn chỉnh theo đề bài đã cho.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học, một vài bài mẫu, bài của HS để viết, chữa cùng cô.

c. Sản phẩm: HS viết lại sau khi đã nhận ra lỗi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

Lập dàn ý cho đề bài: “Khôi phục Trái Đất của chúng ta” là chủ đề của ngày Trái Đất năm 2021 trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với dịch Covid 19 và hướng tới khôi phục lại cuộc sống bình thường, khôi phục lại kinh tế và khôi phục Trái Đất? Em hãy kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa của em đã góp phần bảo vệ môi trường, không gian xanh, sạch, đẹp của chúng ta.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

4. Hoạt động 4: Vận dụng [5 phút]

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm BT, liên hệ thực tiễn.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức, bài viết của HS đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV chiếu những hình ảnh về các hoạt động thiện nguyện các bạn học sinh, thanh niên tình nguyện....

- Cảm xúc của em khi xem những hình ảnh đó?

- Hãy kể lại một hoạt động thiện nguyện của bản thân cùng các bạn trong lớp.

- Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS: Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).

E. NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 02 tiết (Tiết 13,14)

I. MỤC TIÊU:

1. Năng lực: Nói được ý kiến của bản thân mình về một vấn đề xh.

- Biết phát triển năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với vấn đề

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.
- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề [5 phút]

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học, khơi gợi tâm thế tốt, sự hứng thú cho HS.

b. Nội dung: Trò chơi “Nhanh như chớp”.

* Luật chơi

- GV chia lớp thành 4 nhóm
- GV chiếu hình ảnh đã chuẩn bị về các vấn đề xã hội
- HS phát hiện, gọi tên các vấn đề được đề cập đến trong tranh
- Nhóm nào có HS giơ tay “nhanh như chớp” thì sẽ được phát biểu, nếu câu trả lời đúng sẽ được ghi điểm cộng; câu trả lời chưa đúng thì nhường lại quyền chơi cho các nhóm còn lại.

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS. Sự sôi nổi, hứng thú của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Các em hãy quan sát tranh và trả lời thật nhanh: “Những bức tranh sau đề cập đến vấn đề xã hội nào?”

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần chơi trò chơi của HS và dẫn dắt vào bài nói:....

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới [20 phút]

a. Mục tiêu: Hiểu được thế nào là các vấn đề xã hội; nhận biết được một số nội dung cần lưu ý trong bài nói

b. Nội dung: HS hoạt động nhóm (lớp 4 nhóm). **Tích hợp liên hệ QCN trong cách nhìn nhận, nêu suy nghĩ của bản thân.**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

Đề bài: Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi đọc truyện “Gió lạnh đầu mùa”.

* Luyện tập trước khi nói

+ Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có).

+ Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi, hoàn thiện PHT và chuẩn bị bài nói

GV hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

3. Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành [60 phút]

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

- Trình chiếu kĩ thuật 5 xin và phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.
- Yêu cầu HS nói theo dàn ý của nhóm đã chuẩn bị.
- Các bạn khác lắng nghe và ghi chép
- Yêu cầu nói:
 - + Nói đúng mục đích (Nêu được quan điểm của mình về lòng nhân ái..
 - + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.
 - + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.
 - + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

- Quay video thuyết trình của các nhóm và đưa lên Padlet để các HS cùng đánh giá.

HS: Đại diện nói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói.

4. Hoạt động 4: Vận dụng [5 phút]

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV).

- Các HS nhận xét bài nói theo phiếu tiêu chí

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét HĐ nói của HS, bổ sung nhận xét của HS và kết nối nhắc nhở học sinh học tập, chuẩn bị bài.

NGƯỜI KIỂM TRA

GIÁO VIÊN THỰC HIỆN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**